

UBND TỈNH HẬU GIANG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85 /QĐ-SXD

Hậu Giang, ngày 02 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác định hệ số nhân công, máy thi công xây dựng công trình theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng.

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 01/2015/TT-BXD ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 3854/VP.UBND-KTTH ngày 27 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc hướng dẫn điều chỉnh hệ số nhân công, máy thi công công trình theo Thông tư 01/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định hệ số nhân công, máy thi công xây dựng công trình theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng:

Chi phí nhân công và máy thi công trong dự toán xây dựng công trình lập theo các bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Hậu Giang năm 2013 ban hành kèm theo các Công văn số 09/SXD-KTXD ngày 02/01/2013 về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Công văn số 10/SXD-KTXD ngày 03/01/2013 về việc công bố đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Công văn số 11/SXD-KTXD ngày 04/01/2013 về việc công bố đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hậu Giang của Sở Xây dựng tỉnh Hậu Giang, được xác định nhân với các hệ số theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quyết định này xác định hệ số nhân công, máy thi công xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và vốn Nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Hệ số xác định nhân công và máy thi công trong Quyết định này không áp dụng đối với các dự toán công trình áp dụng đơn giá do cấp có thẩm quyền ban hành riêng cho công trình.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và vốn Nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác thực hiện điều chỉnh theo Quyết định này.

Điều 3. Xử lý chuyển tiếp:

1. Đối với các gói thầu đã ký hợp đồng xây dựng trước 15/5/2015 thì thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

2. Đối với các gói thầu đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực áp dụng nhưng chưa tổ chức mở thầu thì chủ đầu tư điều chỉnh giá gói thầu theo Quyết định này để làm cơ sở lựa chọn nhà thầu.

3. Đối với các gói thầu đã tổ chức mở thầu, đang trong quá trình xét thầu thì chủ đầu tư điều chỉnh giá gói thầu theo Quyết định này và tiếp tục thực hiện theo kế hoạch đấu thầu. Trường hợp giá dự thầu của các nhà thầu chưa được điều chỉnh theo chế độ tiền lương mới và nhà thầu có yêu cầu được điều chỉnh thì chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh chi phí nhân công, máy thi công và giá dự thầu làm cơ sở đánh giá hồ sơ dự thầu, lựa chọn nhà thầu.

4. Đối với các gói thầu đã ký kết hợp đồng xây dựng, các gói thầu đang thi công dở dang (kể cả các gói thầu đã thi công xong nhưng chưa quyết toán):

Việc điều chỉnh giá hợp đồng, giá thanh toán cho khối lượng thực hiện từ ngày 15/5/2015 trở về sau thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Trong trường hợp hợp đồng có quy định điều chỉnh thì chủ đầu tư xác định các khối lượng xây dựng thực hiện từ 15/5/2015 trở về sau làm cơ sở điều chỉnh giá hợp đồng. Đối với các khối lượng thực hiện từ 15/5/2015 trở về sau nằm ngoài thời gian thi công đã ký kết trong hợp đồng (trễ hợp đồng do lỗi của nhà thầu thi công xây dựng) thì điều chỉnh giảm (nếu có), không được điều chỉnh tăng.

5. Trường hợp việc điều chỉnh hệ số nhân công, máy thi công xây dựng công trình theo Quyết định này làm vượt tổng mức đầu tư của dự án được duyệt

thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư xem xét, điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án trước khi thực hiện điều chỉnh dự toán xây dựng công trình.

Điều 4. Chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Các phòng chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, phòng Quản lý đô thị thành phố và thị xã, phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện và thủ trưởng các cơ quan liên quan có trách nhiệm hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện các nội dung theo Quyết định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Như Điều 4;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện (để phối hợp);
- Lưu: VP, KTXD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Diên

Phân bổ đất	0,919	0,823	0,827	0,815
Phân bổ nước	0,919	0,823	0,827	0,815
Phân bổ sỏi	0,809	0,825	1,000	1,000
Phân bổ nhôm và thép xây dựng	0,809	0,825	1,000	1,000
Phân bổ gạch và đá thông	0,919	0,847	0,873	0,830
Phân bổ hệ thống thoát nước đô thị	0,992	0,873	0,942	0,888
Phân bổ gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị	0,992	0,852	0,942	0,888
Phân bổ hệ thống chiếu sáng đô thị	0,992	0,869	0,942	0,855
Phân bổ hệ thống chiếu sáng	0,992	0,857	0,942	0,846

Trong đó:

- Nhân công nhóm 1 chuyển đổi thành nhóm 2 theo hệ số K₂₁ = 1,061
- Giá nhiên liệu điều chỉnh ở thời điểm 8/2015 (chưa bao gồm thuế VAT):
 - + Xăng A92 : 17,545đ/lit.
 - + Dầu diesel 0,25S : 12,555đ/lit.
 - + Điện sản xuất : 1,518đ/kwh.

Phụ lục
HỆ SỐ XÁC ĐỊNH NHÂN CÔNG, MÁY THI CÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 85 /QĐ-SXD ngày 02 tháng 11 năm

2015 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Hậu Giang)



Bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Hậu Giang năm 2013	Vùng III: (mức lương tối thiểu là 2.000.000 đ/tháng) áp dụng tại địa bàn: thành phố Vị Thanh, thị xã Ngã Bảy, huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A		Vùng IV: (mức lương tối thiểu là 1.900.000 đ/tháng) áp dụng tại địa bàn các huyện: Vị Thủy, Phụng Hiệp, Long Mỹ, thị xã Long Mỹ	
	Hệ số nhân công (K _{NC})	Hệ số máy thi công (K _{MTC})	Hệ số nhân công (K _{NC})	Hệ số máy thi công (K _{MTC})
Phân xây dựng	0.919	0.833	0.873	0.827
Phân lắp đặt	0.972	0.881	0.924	0.868
Phân sửa chữa	0.919	0.865	0.873	0.851
Phân khảo sát	0.869	1.000	0.826	1.000
Phân thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng	0.869	0.826	1.000	1.000
Phân bưu chính viễn thông	0.919	0.847	0.873	0.830
Phân duy trì hệ thống thoát nước đô thị	0.992	0.873	0.942	0.864
Phân thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị	0.992	0.852	0.942	0.845
Phân duy trì cây xanh đô thị	0.992	0.869	0.942	0.855
Phân duy trì hệ thống chiếu sáng	0.992	0.857	0.942	0.846

Trong đó:

- Nhân công nhóm 1 chuyển đổi thành nhóm 2 theo hệ số $K_n \frac{2}{1} = 1,061$.
- Giá nhiên liệu điều chỉnh ở thời điểm 8/2015 (chưa bao gồm thuế VAT):
 - + Xăng A92 : 17.545đ/lít.
 - + Dầu diesel 0,25S : 12.555đ/lít.
 - + Điện sản xuất : 1.518đ/kwh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: